

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2021/HS-ST

Ngày 26-8-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chu Thị Hồng Nhật.

2. Ông Phạm Đức Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 95/2021/HSST ngày 12 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Bùi Văn T1**, sinh ngày 15 tháng 6 năm 1961 tại tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn T, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 6/10; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Bùi Văn S (đã chết) và bà Vũ Thị O (đã chết); Có vợ là Phạm Thị N; Có 02 con, lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 1990;

Tiền án: Bản án số 06/2020/HS-ST ngày 10/02/2020, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 04 tháng tính từ ngày 10/02/2020;

Tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/4/2021 đến ngày 07/5/2021 chuyển tạm giam đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình. *Có mặt.*

2. Bị cáo **Phạm Tiến T**, sinh ngày 02 tháng 02 năm 1963 tại tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: T, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 07/10; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Phạm Tiến S (đã chết) và bà Vũ Thị T (đã chết); Có vợ là Phạm Thị P, có 02 con, con lớn sinh năm 1984, con nhỏ sinh năm 1986; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Tháng 6/1979 đến tháng 3/1982 tham gia nghĩa vụ quân sự. Bị tạm giữ từ ngày 30/4/2021 đến ngày 06/5/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt.*

3. Bị cáo: **Phạm Công C**, sinh ngày 14 tháng 9 năm 1986 tại tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn T, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ Văn hóa: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Phạm Công C và bà Khổng Thị H, có vợ là: Đặng Khánh L, có 01 con, sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giữ từ ngày 27/4/2021 đến ngày 06/5/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt.*

4. Bị cáo: **Phạm Đăng C1**, sinh ngày 01 tháng 12 năm 1973 tại tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn T, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Phạm Đăng L (đã chết) và bà Phạm Thị T, (ông L được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến, Huy chương chiến thắng). Có vợ là Bùi Thị H, có 03 con, con lớn sinh nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Tháng 2/1992 đến tháng 6/1994 tham gia nghĩa vụ quân sự. Bị tạm giữ từ ngày 27/4/2021 đến ngày 06/5/2021 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt.*

5. Bị cáo: **Phạm Tiến S**, sinh ngày 02 tháng 03 năm 1959 tại tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn Tống Thỏ Nam, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ Văn hóa: Lớp 07/10; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Phạm Tiến L (đã chết) và bà Phạm Thị C (đã chết), (ông L được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến), có vợ là Nguyễn Thị Đ, có 02 con, con lớn sinh năm 1985, con nhỏ sinh năm 1988; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Tháng 12/1978 đến tháng 6/1982

tham gia nghĩa vụ quân sự. Bị tạm giữ từ ngày 27/4/2021 đến ngày 06/5/2021 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt.*

- *Người làm chứng:* Anh Phạm Thọ H, sinh năm: 1978; Nơi cư trú: Thôn Tổng Thổ Bắc, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 27/4/2021, Bùi Văn T1 đến nhà Phạm Tiến T chơi. Sau đó, T1 và T ngồi uống nước nói chuyện tại sân trước nhà T. Sau đó Phạm Tiến S, Phạm Đăng C1 đến và cùng ngồi uống nước. Quá trình ngồi uống nước với nhau T1, S và C1 cùng rủ nhau đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh phỏm tại nhà T. T đồng ý. Do T không chơi nên thiếu một người, T sử dụng điện thoại nhãn hiệu Samsung J7, vỏ màu vàng lắp sim số 0972834657 gọi điện vào số 0977037517 được lắp vào chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen của Phạm Công C rủ C sang nhà T đánh phỏm. C đồng ý và đến nhà T lúc 13 giờ 30 phút cùng ngày thì gặp T, S, C1, T1 đang ngồi uống nước. Sau đó T1, S, C1 và C đi vào trong phòng ngủ tầng 1 nhà của T để đánh bạc. T đi theo lấy 01 vỏ chăn màu đỏ hồng ở trên giường phòng ngủ tầng 1 trải lên chiếc chiếu cói đã trải sẵn dưới nền nhà và lấy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài có sẵn tại nhà của để ở giữa chăn cho C, T, S và C1 đánh bạc còn T thì lên giường cạnh đó ngồi xem. Các bị cáo thống nhất cách chơi là sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài chia đều cho 04 người chơi mỗi người 9 quân bài, người chia bài được 10 quân bài, số bài còn lại để ở giữa chiếu bạc để làm nọc. Người chia bài là người đánh đầu tiên, đánh theo chiều từ phải qua trái. Phỏm 03 quân bài giống nhau, hoặc liên tiếp nhau đồng chất trở lên, được thành lập từ khi chia bài đã có hoặc bốc dưới nọc, ăn quân bài của người bên cạnh đánh sang. “Ù” tức là có 03 phỏm. “Cháy” tức là không có phỏm nào khi hạ bài. Ván bài kết thúc khi có người ù hoặc trước mặt những người chơi có 04 quân bài đánh ra. Người ù sẽ được những người chơi còn lại trả cho số tiền là 250.000 đồng và bỏ ra số tiền 50.000 đồng đưa cho T là chủ nhà. T đồng ý. Nếu không có ai ù thì hạ phỏm, tính điểm là tính số bài còn lại trên tay của những người chơi để so sánh. Các quân bài A, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, J, Q, K sẽ được tính điểm lần lượt là 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13. Người chơi nào có số điểm thấp nhất sẽ là người thắng ván bài và thắng được số tiền của những người chơi có số điểm thấp thứ hai, thứ ba, thứ tư lần lượt là 50.000 đồng, 100.000 đồng,

150.000 đồng. Nếu điểm số bằng nhau, người hạ bài sau sẽ là người thua. Người chơi nào bị cháy thì phải trả cho người về nhất số tiền là 200.000 đồng. Các bị cáo đánh bạc đến 15 giờ 45 phút cùng ngày thì lực lượng Công an thành phố Thái Bình bắt quả tang. T bỏ chạy và cầm theo số tiền 250.000 đồng; T cũng bỏ chạy và để ví tiền và điện thoại ở trên giường. Cơ quan điều tra đã thu giữ trên chiếu 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 quân, 01 chiếc chiếu cói, 01 vỏ chăn màu đỏ hồng, 150.000 đồng, 03 ví giả da các loại trong đó có giấy tờ cá nhân và 5.350.000 đồng, 01 điện thoại di động. Ngoài ra còn thu trên giường cạnh chiếu bạc 01 điện thoại di động và 01 ví giả da màu nâu bên trong có 1.620.000 đồng, 01 chứng minh nhân dân mang tên T. Ngày 28/4/2021, T đã đến Công an thành phố Thái Bình đầu thú. Ngày 30/4/2021, T đã đến Công an thành phố Thái Bình đầu thú.

Quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận dùng 5.850.000 đồng để đánh bạc, cụ thể như sau:

1. Bùi Văn T1 mang theo 450.000 đồng sử dụng để đánh bạc, quá trình đánh bạc T ù 02 ván nên đưa cho T 100.000 đồng, đến khi bị bắt T thua bạc 100.000 đồng còn 250.000 đồng cầm theo người khi bỏ chạy.

2. Phạm Công C mang theo 3.100.000 đồng sử dụng để đánh bạc, để trong ví đặt trên chiếu ở vị trí C ngồi ù 01 ván nên bỏ ra để đưa cho T 50.000 đồng, đến khi bị bắt C thua 800.000 đồng bị thu giữ 01 ví giả da màu đen bên trong có 2.250.000 đồng 01 chứng minh nhân dân mang tên C và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen.

3. Phạm Đăng C1 mang theo 1.300.000 đồng dùng để đánh bạc, để trong ví đặt trên chiếu ở vị trí C1 ngồi, ù một ván nên bỏ ra để đưa cho T 50.000 đồng. Khi bị lực lượng chức năng bắt quả tang C1 đã thắng 450.000 đồng, bị thu giữ 01 ví giả da màu đen bên trong có 1.700.000 đồng, 01 chứng minh nhân dân mang tên C1.

4. Phạm Tiến S mang theo 1.000.000 đồng sử dụng để đánh bạc, để trong ví đặt trên chiếu ở vị trí S ngồi, ù một ván nên bỏ ra để đưa cho T 50.000 đồng. Khi bị lực lượng công an bắt quả tang S đã thắng 450.000 đồng, bị thu giữ 01 ví giả da màu đen bên trong có 1.400.000 đồng và 01 căn cước công dân mang tên Phạm Tiến S.

5. T thu được 250.000 đồng trong đó đã cất vào ví da màu nâu của mình 100.000 đồng để trên giường. Còn lại 150.000 đồng vẫn để ở dưới chiếu. Khi bị lực lượng công an bắt quả tang T bỏ chạy, đã bị thu giữ ví giả da màu nâu trong đó có 1.620.000 đồng (gồm 100.000 đồng là tiền do những người đánh bạc ù nộp cho T,

còn 1.520.000 đồng là tiền của T do lao động mà có, không liên quan đến hành vi đánh bạc) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 màu vàng.

Tại bản cáo trạng số 99/CT-VKSTPTB ngày 12/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố Phạm Công C, Phạm Đăng C1, Phạm Tiến S, Bùi Văn T1, Phạm Tiến T về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Bùi Văn T1 từ 09 đến 12 tháng tù. Áp dụng Điều 56, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự buộc T phải chấp hành 08 tháng tù của Bản án số 06/2020/HS-ST ngày 10/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, tổng hợp hình phạt chung cho cả hai bản án từ 01 năm 05 tháng đến 01 năm 08 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 28/4/2021, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/6/2015 đến ngày 08/7/2015). Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Phạm Công C 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Phạm Tiến T từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; để xử phạt bị cáo Phạm Đăng C1 từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; để xử phạt bị cáo Phạm Tiến S từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách của các bị cáo gấp đôi hình phạt C. Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

* Hình phạt bổ sung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 321, khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự để phạt tiền các bị cáo: T1, T, C, C1, S mỗi bị cáo 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

3. Xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để: Tịch thu để tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; 01 chiếc chiếu cói; 01 vỏ chăn màu hồng đã thu của bị cáo T cần tịch thu để tiêu hủy. 02 ví giả da màu đen của bị cáo C1 và bị cáo C. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen lắp sim số 0977037517 của bị cáo C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 màu vàng lắp sim số 0972834657 của bị cáo T, Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền

5.850.000 đồng, trong đó: số tiền thu trên chiếu bạc 150.000 đồng, số tiền thu của các bị cáo C 2.250.000 đồng; C1 1.700.000 đồng; S 1.400.000 đồng; T1 250.000 đồng, T 100.000 đồng. Trả lại bị cáo T 1.520.000 đồng và 01 ví giả da màu nâu; Trả lại bị cáo S 01 ví giả da màu đen nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án. Trả lại bị cáo S 01 Căn cước công dân; Trả lại bị cáo C, T, C1 mỗi bị cáo 01 Chứng minh thư nhân dân. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không có tranh luận gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo rất ăn năn về hành vi phạm tội của mình và đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Xét thấy, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp nhau, chứng minh cho hành vi phạm tội của nhau; phù hợp với lời khai của người làm chứng và còn được chứng minh bằng: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an thành phố Thái Bình lập hồi 16 giờ 00 phút ngày 27/4/2021; Biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình lập hồi 09 giờ 00 phút ngày 28/4/2021; Các biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình lập hồi ngày 27/4/2021 tại nhà T và lập hồi 16 giờ 35 phút ngày 28/4/2021 tại Công an thành phố Thái Bình; Biên bản kiểm tra điện thoại của Phạm Công C, Phạm Tiến T cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng từ 13 giờ 30 phút đến 15 giờ 45 phút ngày 27/4/2021 tại phòng ngủ tầng 1 nhà của T ở thôn Tổng Thỏ Bắc, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình, T1, C, C1 và S đã có hành vi đánh bạc, sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh phỏm, tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 5.850.000 đồng. Như vậy hành vi của các bị cáo: T1, C, C1 và S đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Phạm Tiến T tuy không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng có hành vi gọi điện rủ C đến đánh bạc, chuẩn bị công cụ, phương tiện và cho T, C, C1 và S đánh bạc tại phòng ngủ tầng 1 nhà mình, thu lợi bất C 250.000 đồng nên đồng phạm về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định. Tội đánh bạc quy định: “1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng, đã bị xử phạt vi phạm hành C về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

Vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, là nguyên nhân gây mất trật tự trị an xã hội. Đánh bạc là một tệ nạn của xã hội, gây nên dư luận xấu trong nhân dân, Nhà nước ta đã có các quy định bằng pháp luật hành chính, pháp luật hình sự để xử lý nghiêm khắc, nhằm xóa bỏ tệ nạn này ra khỏi đời sống xã hội nhưng các bị cáo không chịu rèn luyện bản thân, tuy biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật mà vẫn cố ý thực hiện.

[4] Xét vai trò của các bị cáo trong tội đánh bạc thì thấy: Tội phạm “Đánh bạc” mà các bị cáo thực hiện có tính chất đồng phạm giản đơn. Các bị cáo tự cân đối thắng thua, tự phân chia tiền thừa, thiếu. Bị cáo T tuy không đánh bạc nhưng dùng nhà của mình cho các bị cáo khác đánh bạc, chuẩn bị công cụ, phương tiện, gọi thêm người chơi và thu tiền hồ, bị cáo C sử dụng số tiền nhiều nhất (3.100.000 đồng) nên cả hai bị cáo có vai trò thứ nhất trong vụ án. Bị cáo C1 và bị cáo S sử dụng số tiền ít hơn bị cáo C (1.300.000 đồng và 1.000.000 đồng nên giữ vai trò thứ

hai, bị cáo T1 sử dụng số tiền ít nhất (450.000 đồng) giữ vai trò thấp nhất trong vụ án.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Bị cáo T1 phải chịu 01 tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo C1, S, T, C đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo T1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và đầu thú theo quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo: C1, S, T, C đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo: C1, S, T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự vì bị cáo C1 có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, có bố để được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến, Huy chương chiến thắng; bị cáo S có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, có bố để được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến; bị cáo T có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự và đầu thú.

[6] Xét về nhân thân và hình phạt đối với các bị cáo: Bị cáo T1 đang trong thời gian thử thách của Bản án số 06/2020/HS-ST ngày 10/02/2020, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 04 tháng tính từ ngày 10/02/2020 đang trong thời gian thử thách bị cáo lại phạm tội nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định và áp dụng Điều 56, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo T1 phải chấp hành hình phạt 08 tháng tù của bản án này và tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của hai bản án.

Các bị cáo: C1, S, T, C không có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ hình phạt, có nơi cư trú rõ ràng, nên cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo C1, S, T, C hưởng án treo, giao các bị cáo cho C quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện giáo dục cải tạo các bị cáo thành công dân tốt.

Về hình phạt bổ sung: Xét mức độ phạm tội, hoàn cảnh gia đình, thu nhập của các bị cáo không ổn định, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 3 Điều 321, khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự phạt tiền mỗi bị cáo 5.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

[5] Về vật chứng:

- Xét thấy số tiền bị cáo T mang theo ở trong ví khi quản lý là 1.620.000 đồng trong đó có 100.000 đồng bị cáo T thu của các bị cáo khác là tiền do phạm tội mà có. Số tiền còn lại 1.520.000 đồng không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần trả lại cho bị cáo T.

- Số tiền 150.000 đồng thu trên chiếu bạc, số tiền thu của các bị cáo C 2.250.000 đồng; C1 1.700.000 đồng; S 1.400.000 đồng; T1 250.000 đồng và T 100.000 đồng, tổng cộng là 5.850.000 đồng là tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu để nộp ngân sách nhà nước.

- Các công cụ dụng cụ dùng vào việc phạm tội gồm: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; 01 chiếc chiếu cói; 01 vỏ chăn màu hồng đã thu của bị cáo T cần tịch thu để tiêu hủy. 02 ví giả da màu đen của bị cáo C1 và bị cáo C, các bị cáo xác định không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen lắp sim số 0977037517 của bị cáo C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 màu vàng lắp sim số 0972834657 của bị cáo T do các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- 01 ví giả da màu đen của S; 01 ví giả da màu nâu của T cần trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục quản lý của các bị cáo để đảm bảo thi hành án. 01 Căn cước công dân mang tên Phạm Tiến S; 03 Chứng minh thư nhân dân của C, T, C1 cần trả lại cho các bị cáo.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo: Bùi Văn T1, Phạm Tiến T, Phạm Công C, Phạm Đăng C1, Phạm Tiến S phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Văn T1 09 (chín) tháng tù.

Áp dụng Điều 56, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Bùi Văn T phải chấp hành hình phạt 08 tháng tù của Bản án số 06/2020/HS-ST ngày 10/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình về tội “Đánh bạc”, tổng hợp hình phạt buộc Bùi Văn T1 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 01 (một) năm 05 (năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 28/4/2021, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/6/2015 đến ngày 08/7/2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Phạm Công C 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/8/2021.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Phạm Tiến T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/8/2021.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Đăng C1 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/8/2021.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Tiến S 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/8/2021.

Giao các bị cáo Phạm Tiến T, Phạm Công C, Phạm Đăng C1, Phạm Tiến S cho Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

*** Hình phạt bổ sung:** Áp dụng khoản 3 Điều 321, khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự: Phạt tiền các bị cáo: Bùi Văn T1, Phạm Tiến T, Phạm Công C, Phạm Đăng

C1, Phạm Tiến S mỗi bị cáo 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) để nộp ngân sách nhà nước.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu để tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; 01 chiếc chiếu cói; 01 vỏ chăn màu hồng đã thu của bị cáo Phạm Tiến T; 01 ví giả da màu đen đã thu của Phạm Đăng C1; 01 ví giả da màu đen đã thu của Phạm Công C.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 5.850.000 đồng (*Năm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*). (Trong đó gồm: số tiền thu trên chiếu bạc 150.000 đồng, số tiền thu của các bị cáo Phạm Công C 2.250.000 đồng; Phạm Đăng C1 1.700.000 đồng; Phạm Tiến S 1.400.000 đồng; Bùi Văn T1 250.000 đồng, Phạm Tiến T 100.000 đồng).

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen lắp sim số 0977037517 của bị cáo C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 màu vàng lắp sim số 0972834657 của bị cáo Phạm Tiến T.

- Trả lại bị cáo Phạm Tiến T 1.520.000 đồng (*Một triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng*) và 01 ví giả da màu nâu, trả lại bị cáo Phạm Tiến S 01 ví giả da màu đen nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại các bị cáo: Phạm Tiến S 01 Căn cước công dân mang tên Phạm Tiến S; Phạm Công C 01 Chứng minh nhân dân mang tên Phạm Công C, Phạm Tiến T 01 Chứng minh nhân dân mang tên Phạm Tiến T, Phạm Đăng C1 01 Chứng minh nhân dân mang tên Phạm Đăng C1.

(Vật chứng có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an thành phố Thái Bình và Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình ngày 14/7/2021).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Buộc các bị cáo: Bùi Văn T1, Phạm Tiến T, Phạm Công C, Phạm Đăng C1, Phạm Tiến S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Các bị cáo: Bùi Văn T1, Phạm Tiến T, Phạm Công C, Phạm Đăng C1, Phạm Tiến S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 26-8-2021.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương